

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.3	Chủ đầu tư; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số 01 Hùng Vương, phường Chợ Quán, Thành Hồ Chí Minh. Địa chỉ cơ sở 2: Số 8-10 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh.
E-ĐKC 1.5	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Quận Bình Thạnh, Quận Gò Vấp – Thành phố Hồ Chí Minh (cũ), hiện tại phường Gia Định, phường Bình Lợi Trung, phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
E-ĐKC 1.11	Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện chung của hợp đồng; - Điều kiện cụ thể của hợp đồng; - Thương thảo hợp đồng (nếu có); - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng; - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
E-ĐKC 4.1	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số 01 Hùng Vương, phường Chợ Quán, TP Hồ Chí Minh. Địa chỉ cơ sở 2: Số 8-10 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 0835267497 Số fax: Email: bhtdt@tphcm.gov.vn</p>
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định (nếu có). - Trường hợp nhà thầu liên danh: Từng thành viên liên danh của Nhà thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Chủ đầu tư, mức bảo đảm thực hiện hợp đồng tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên liên danh thực hiện. Thành viên đứng đầu

	liên danh có thể đứng ra bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong trường hợp thành viên liên danh không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo đúng thời hạn. Khi đó, giá trị khối lượng hoàn thành của thành viên liên danh không thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng này sẽ được Chủ đầu tư xem xét để chuyển giao khối lượng sang thành viên đứng ra bảo lãnh thực hiện hợp đồng để làm cơ sở thực hiện và thành toán.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không áp dụng
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>
E-ĐKC 6.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng
E-ĐKC 6.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không yêu cầu.
E-ĐKC 10.1	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 10.2	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 11	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 12.1	Tạm ứng: Không tạm ứng
E-ĐKC 13.1	Phương thức thanh toán: Chuyển khoản 100%.
E-ĐKC 13.2	Giảm trừ thanh toán: Không áp dụng.
E-ĐKC 15	Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau: 1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng <i>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:</i> Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 18 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 1%/Tháng cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 12%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC.

	<p>Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 12% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng</p> <p>Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:</p> <p><i>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</i></p>
E-ĐKC 17.1(c)	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: Không yêu cầu.
E-ĐKC 17.4	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 18 (e)	Các trường hợp khác: Không yêu cầu.
E-ĐKC 20.1	<p>Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Sẽ quy định cụ thể khi ký kết hợp đồng</p> <p>Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: Sẽ quy định cụ thể khi ký kết hợp đồng</p>
E-ĐKC 21.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày.
E-ĐKC 22.2	<p>1. Thời gian để tiến hành hòa giải: Trong vòng 28 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp</p> <p>2. Giải quyết tranh chấp: giải quyết tranh chấp theo quy định pháp luật hiện hành.</p>

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

HỢP ĐỒNG

BẢO HIỂM XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số: /HĐ-BHTĐT

- Dự án : Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp.
- Gói thầu PTV-02 : Bảo hiểm xây dựng công trình gói thầu XL-02.
- Địa điểm : Quận Bình Thạnh và quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

GIỮA

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

VÀ

LIÊN DANH

MỤC LỤC

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH.....	127
PHẦN 2 - CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG	129
ĐIỀU 1. CÁC GIẢI THÍCH TỪ NGỮ'	133
ĐIỀU 2. LOẠI HỢP ĐỒNG.....	135
ĐIỀU 3. HỒ SƠ HỢP ĐỒNG.....	135
ĐIỀU 4. TRAO ĐỔI THÔNG TIN.....	135
ĐIỀU 5. LUẬT VÀ NGÔN NGỮ SỬ DỤNG TRONG HỢP ĐỒNG	135
ĐIỀU 6. BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG.....	136
ĐIỀU 7. ĐỐI TƯỢNG BẢO HIỂM.....	137
ĐIỀU 8. PHẠM VI BẢO HIỂM VÀ SỐ TIỀN BẢO HIỂM	137
ĐIỀU 9. ĐIỀU KIỆN, ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM.....	138
ĐIỀU 10. ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM VÀ MỨC MIỄN THƯỜNG KHÔNG KHẤU TRỪ'	138
ĐIỀU 11. THỜI HẠN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM.....	139
ĐIỀU 12. ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG.....	140
ĐIỀU 13. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG (PHÍ BẢO HIỂM) VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.....	140
ĐIỀU 14. GIÁM ĐỊNH TỔN THẤT VÀ GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG.....	142
ĐIỀU 15. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN.....	144
ĐIỀU 16. KHIẾU NẠI TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG	145
ĐIỀU 17. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	146
ĐIỀU 18. RỦI RO VÀ BẤT KHẢ KHÁNG	146
ĐIỀU 19. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG	146
ĐIỀU 20. THANH LÝ HỢP ĐỒNG	147
ĐIỀU 22. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG	148
ĐIỀU 23. ĐIỀU KHOẢN CHUNG	148

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
E-HSMT/HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSDX	Hồ sơ đề xuất
E-HSDXKT, E-HSDXTC	Hồ sơ đề xuất kỹ thuật, Hồ sơ đề xuất tài chính
Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015	Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10
Luật Xây dựng số ngày 18 tháng 6 năm 2014	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10.
Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Luật kinh doanh bảo hiểm ngày 16 tháng 6 năm 2022	Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 3.
Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 5
Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024	Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8.
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu ngày 25 tháng 6 năm 2025	Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9.

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, tại Văn phòng Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm có các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (gọi tắt là Bên A):

Tên giao dịch: **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Đại diện : **Ông Đặng An Phúc** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính : Số 01 Hùng Vương, phường Chợ Quán, TP.HCM

Địa chỉ cơ sở 2 : Số 8-10 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, TP. HCM

Điện thoại : (028) 35 267 497

Tài khoản số : 9552.2.8028540 tại Kho Bạc Nhà nước Khu vực II

Mã số thuế : 0318872563

Và bên kia là:

2. Nhà thầu (gọi tắt là Bên B):

Tên giao dịch: **LIÊN DANH**

2.1. Thành viên đứng đầu liên danh: CÔNG TY

Đại diện : **Ông** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số ..., phường ..., TP. HCM

Điện thoại : (028) Fax: (028) ...

Thành lập theo do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm 20..., đăng ký thay đổi.....

2.2. Thành viên liên danh: CÔNG TY ...

Đại diện : **Bà** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số ..., phường ..., TP. HCM

Điện thoại : (028) ... Fax: (028) ...

Thành lập theo do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm 20..., đăng ký thay đổi.....

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền phân công cho Công ty làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau:

2. Thành viên sử dụng chứng thư số để tham dự thầu là Công ty

3. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	TỔNG CÔNG ...	Là thành viên đứng đầu liên danh:....	...%
2	TỔNG CÔNG...	Là thành viên liên danh:%
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

4. Tiền thanh toán:

Bên A sẽ chuyển toàn bộ/phí bảo hiểm trực tiếp vào tài khoản của

5. Sử dụng con dấu:

Các thành viên liên danh thống nhất sử dụng con dấu trong các văn bản chung của liên danh là con dấu của Công ty..... và mỗi thành viên sử dụng con dấu riêng của mình đối với các hồ sơ và văn bản liên quan đến phần việc mà thành viên đó đảm nhận và chịu trách nhiệm.

6. Trách nhiệm của từng thành viên trong liên danh:

- Các thành viên trong liên danh chịu hoàn toàn trách nhiệm về tiến độ, chất lượng,... của phần công việc mà mình đảm nhận trong thỏa thuận liên danh;

- Đồng thời thành viên đứng đầu liên danh phải chịu trách nhiệm chính về tiến độ, chất lượng, ... của toàn bộ công trình kể cả công việc do thành viên liên danh thực hiện.

Trường hợp thành viên liên danh không hoàn thành công việc của mình bị Bên A nhắc nhở 3 lần bằng văn bản hoặc bỏ dở công việc đang thực hiện thì thành viên đứng đầu liên danh có trách nhiệm thực hiện hoàn tất công việc theo Hợp đồng đã ký kết.

Hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng gói thầu PTV-02: Bảo hiểm xây dựng công trình gói thầu XL-02 dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp như sau:

PHẦN 2 - CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;

Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kho bạc nhà nước;

Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Nghị Định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng;

Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Thông tư số 63/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính Quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chủ trương đầu tư dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 4584/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 5639/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 5126/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về duyệt điều chỉnh dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 6075/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

Quyết định số 2121/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc chuyển đổi cơ quan quản lý của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thành Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (mới);

Quyết định số 199/QĐ-UBND-TC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tiếp nhận và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 227/QĐ-BHTĐT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216) thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 228/QĐ-BHTĐT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Tổng dự toán xây dựng công trình thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 384/QĐ-BHTĐT ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số 449/QĐ-BHTĐT ngày 28 tháng 08 năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt dự toán gói thầu PTV-02: Bảo hiểm xây dựng công trình gói thầu XL-02 thuộc dự án Nạo vét, cải

tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Quyết định số .../QĐ-BHTĐT ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt E-HSMT gói thầu PTV-02: Bảo hiểm xây dựng công trình gói thầu XL-02 thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Báo cáo đánh giá E-HSDT số ... ngày ... tháng ... năm 2025 của Công ty ... về đánh giá E-HSDT gói thầu PTV-02: Bảo hiểm xây dựng công trình gói thầu XL-02 dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Thỏa thuận Liên danh ... ngày ... tháng ... năm 2025;

Quyết định số .../QĐ-BHTĐT ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu PTV-02: Bảo hiểm xây dựng công trình gói thầu XL-02 thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Công văn số .../BHTĐT-DA3 ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng gói thầu PTV-02: Bảo hiểm xây dựng công trình gói thầu XL-02 thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Biên bản hoàn thiện hợp đồng số .../BBHT-BHTĐT ngày ... tháng ... năm 2025 đã được ký kết giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh và về hoàn thiện Hợp đồng thực hiện gói thầu PTV-02: Bảo hiểm xây dựng công trình gói thầu XL-02 thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp;

Các văn bản liên quan khác.

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG THEO CÁC ĐIỀU KHOẢN DƯỚI ĐÂY:

Điều 1. Các giải thích từ ngữ

Các giải thích từ ngữ được các bên thống nhất hiểu theo đúng giải thích tại Điều 4 của Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, Điều 2 của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 và phù hợp với nội dung hợp đồng này.

a) “*Người bảo hiểm*” hay “*Bên bảo hiểm*” là (gọi tắt là **Bên B**).

b) “*Người được bảo hiểm*” hay “*Bên được bảo hiểm*” là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh - Chủ đầu tư (gọi tắt là **Bên A**).

c) **“Bên thứ ba”** là những tổ chức, cá nhân không phải là Người bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc Người thụ hưởng bảo hiểm, có tài sản hoặc tính mạng, sức khỏe bị thiệt hại do hậu quả mà Người được bảo hiểm gây ra trong quá trình thực hiện công việc của mình.

d) **“Quy tắc bảo hiểm”** là Nội dung của Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ.

e) **“Vụ tổn thất”** là thiệt hại hay trách nhiệm về tài sản hoặc con người (bất kể có chết người hay không) tại một thời điểm nhất định gây ra do một hay nhiều nguyên nhân.

f) **“Thiên tai”** là những hiện tượng thiên nhiên xảy ra ngoài tầm kiểm soát hay chi phối của con người có tác hại tới đời sống sản xuất, kinh doanh, xã hội.. như: bão, lũ lụt, động đất, núi lửa phun, sét đánh...

g) **“Số tiền bảo hiểm”** là tổng giá trị đầy đủ của công trình theo Hợp đồng xây lắp tại thời điểm hoàn thành công việc xây dựng bao gồm giá trị thiết bị, nguyên vật liệu, chi phí xây lắp, chi phí vận chuyển, thuế hải quan, các loại thuế; lương và các khoản chi phí khác; các hạng mục khác do Người được bảo hiểm kê khai đăng ký bảo hiểm. Số tiền bảo hiểm cũng là mức trách nhiệm bồi thường cao nhất mà Người bảo hiểm phải trả cho Người được bảo hiểm đối với mỗi và mọi vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm.

h) **“Phí bảo hiểm”** hay **“Giá trị Hợp đồng”** là số tiền mà Người được bảo hiểm/Bên mua bảo hiểm phải thanh toán cho Người bảo hiểm/Bên bảo hiểm (bao gồm cả 10% thuế VAT) theo các quy định của Hợp đồng bảo hiểm này.

i) **“Mức miễn thường không khấu trừ”** là những chi phí (tính bằng tiền) mà Người được bảo hiểm được Bên B chi trả bồi thường toàn bộ đối với các thiệt hại vượt mức miễn thường với mỗi hay hàng loạt vụ tổn thất bắt nguồn từ một sự cố xảy ra trong thời hạn bảo hiểm, giới hạn “Mức miễn thường không khấu trừ” đã được ghi trong Hợp đồng.

j) **“Những điểm loại trừ”** là những quy định trong Quy tắc bảo hiểm và/hoặc trong các điều khoản bổ sung đính kèm hợp đồng nêu rõ những nguyên nhân/lý do gây ra tổn thất không được bồi thường và/hoặc chỉ rõ những thiệt hại, tổn thất không thuộc trách nhiệm bồi thường của Người bảo hiểm.

k) **“Điều khoản sửa đổi bổ sung”** là những thoả thuận tiêu chuẩn có giá trị pháp lý đính kèm hợp đồng nhằm mở rộng phạm vi bảo hiểm hoặc loại trừ những rủi ro không được bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm và/hoặc làm rõ trách nhiệm của các bên liên quan tham gia bảo hiểm.

l) **“Ngày”** là ngày dương lịch, bao gồm các ngày liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.

Các tài liệu đính kèm và là một bộ phận không tách rời Hợp đồng

- 1) Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng;
- 2) Các điều khoản bổ sung bảo hiểm;
- 3) Danh mục các hạng mục tham gia bảo hiểm;
- 4) Giấy chứng nhận bảo hiểm;
- 5) Bảng lịch trình thi công;
- 6) Báo cáo nghiên cứu tính khả thi của dự án;
- 7) Bản vẽ thiết kế;
- 8) Bản dự toán công trình;
- 9) Danh sách nhà thầu thi công;
- 10) Giấy Ủy quyền của Bên B;
- 11) Các văn bản phê duyệt của các cấp thẩm quyền liên quan (nếu có).

Điều 2. Loại Hợp đồng

Loại Hợp đồng: Trọn gói

Điều 3. Hồ sơ Hợp đồng

Các tài liệu và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Bảo hiểm công trình;
- E-HSMT của Bên A;
- E-HSDT của Bên B;
- Biên bản hoàn thiện Hợp đồng;
- Giấy chứng nhận bảo hiểm;
- Các phụ lục của Hợp đồng;
- Các tài liệu liên quan khác.

Điều 4. Trao đổi thông tin

4.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

4.2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

5.1. Hợp đồng chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

5.2. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt.

Điều 6. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng.

Bên B phải nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng tương đương 10% giá trị của Hợp đồng, tức tương đương với số tiền **đồng** (*Bằng chữ: đồng*) cho Bên A trong vòng 10 ngày làm việc sau khi Hợp đồng đã được ký kết. Tất cả các bảo đảm thực hiện hợp đồng phải là bảo đảm vô điều kiện, không hủy ngang và được Bên A chấp thuận.

Từng thành viên liên danh của Bên B phải nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm thực hiện Hợp đồng tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên liên danh thực hiện. Thành viên đứng đầu liên danh có thể đứng ra bảo lãnh thực hiện Hợp đồng trong trường hợp thành viên liên danh không nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo đúng thời hạn. Khi đó, giá trị khối lượng hoàn thành của thành viên liên danh không thực hiện bảo đảm thực hiện Hợp đồng này sẽ được Bên A xem xét để chuyển giao khối lượng sang thành viên đứng ra bảo lãnh thực hiện Hợp đồng để làm cơ sở thực hiện và thanh toán.

Từng thành viên liên danh của Bên B phải nộp bảo đảm thực hiện Hợp đồng có giá trị và hiệu lực theo quy định của Hợp đồng này mà không phụ thuộc vào tiến độ thực hiện công việc của từng thành viên trong liên danh. Cụ thể như sau:

TT	Tên thành viên trong liên danh	Giá trị bảo đảm Hợp đồng (đồng)	Tỷ lệ % so với giá trị bảo đảm Hợp đồng
1	Thành viên đứng đầu liên danh: TỔNG CÔNG%
2	Thành viên liên danh: TỔNG CÔNG%
Tổng cộng		100%

Bảo đảm thực hiện Hợp đồng phải có giá trị và có hiệu lực cho tới khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng và gói thầu XL-02 được nghiệm thu, hoàn thành đưa vào sử dụng và cộng thêm 24 tháng bảo hành công trình. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện Hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và Bên B chưa hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng vào thời điểm 10 ngày trước ngày hết hạn, Bên B sẽ phải gia hạn thời gian hiệu lực của bảo đảm thực hiện Hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành theo Hợp đồng.

Bên B sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện Hợp đồng đã có hiệu lực và các trường hợp vi phạm quy định pháp luật khác.

Điều 7. Đối tượng bảo hiểm

Bên A đồng ý tham gia bảo hiểm và Bên B đồng ý nhận bảo hiểm cho quá trình thi công xây dựng theo đúng quy định pháp luật.

a) Tên công trình được bảo hiểm: Gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216) thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp.

b) Địa điểm công trình được bảo hiểm: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216), Quận Bình Thạnh và quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 8. Phạm vi bảo hiểm và số tiền bảo hiểm

Phạm vi bảo hiểm bao gồm thiệt hại về vật chất. Số tiền bảo hiểm là mức bồi thường cao nhất thuộc trách nhiệm bảo hiểm mà Bên B phải chịu trách nhiệm thanh toán khi có một hay hàng loạt tổn thất xảy ra trong thời hạn bảo hiểm cho các hạng mục đăng ký và chấp nhận bảo hiểm, cụ thể như sau:

Bảo hiểm tổn thất vật chất công trình:

Theo Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ.

Bên B thực hiện Bảo hiểm tất cả các công việc bao gồm các hạng mục công trình, thiết bị tạm và vĩnh cửu liên quan đến việc đầu tư xây dựng; bồi thường tất cả các tổn thất, thiệt hại vật chất trực tiếp, bất ngờ, không lường trước được xảy ra trong quá trình xây dựng gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216) thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh làm Chủ đầu tư do bất kỳ nguyên nhân nào khác với những nguyên nhân đã bị loại trừ trong Quy tắc bảo hiểm và các điều khoản sửa đổi bổ sung được ban hành kèm theo Quyết định số ... ngày tháng ... năm 20... của Công ty ... hoặc những quy định liên quan khác. Cụ thể như sau:

- Nếu trong thời hạn bảo hiểm, bất kỳ một hạng mục tài sản nào có tên trong Hợp đồng bảo hiểm này hay bất kỳ bộ phận nào của hạng mục công trình của dự án, máy móc/thiết bị trong quá trình lưu kho tại công trường và trong quá trình lắp đặt cùng với nguyên vật liệu, trang thiết bị đó bị tổn thất vật chất bất ngờ và không lường trước được do bất cứ nguyên nhân nào gây ra thì doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường cho Người được bảo hiểm tổn thất đó theo quy định tại quy tắc bảo hiểm bằng cách trả tiền.

- Chi phí dọn dẹp hiện trường, chi phí cần thiết phát sinh bởi Người được bảo hiểm để di chuyển, giạt đở, dọn dẹp hiện trường mảnh vỡ, tài sản hoặc các chất khác sau

khi tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm (bao gồm nhưng không chỉ giới hạn trong việc di chuyển giạt đổ hoặc dọn dẹp kể cả những phần việc không còn phù hợp với mục đích ban đầu) bao gồm cả việc tiến hành sửa chữa tạm thời và khôi phục lại các điều kiện làm việc ban đầu.

- Chi phí chuyên gia, tư vấn và chi phí cho kiến trúc sư, giám định viên, kỹ sư, chủ nhiệm điều hành dự án, điều phối viên dự án, chi phí pháp lý và các chi phí khác phát sinh cho Người được bảo hiểm sau khi xảy ra tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm (bao gồm cả chi phí khảo sát, thiết kế, thay đổi thiết kế... để khôi phục các hạng mục bị tổn thất).

- Chi phí giám định tổn thất đối với những tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm sẽ do nhà bảo hiểm.

Tổng chi phí xây dựng được bảo hiểm gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến đường Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km2+512 đến Km5+216) là **đồng**. (*Bằng chữ: ... đồng*).

Điều 9. Điều kiện, điều khoản bảo hiểm

9.1. Các bên tham gia Hợp đồng này thỏa thuận áp dụng các Quy tắc bảo hiểm, điều khoản, điều kiện bảo hiểm và pháp lý liên quan như: Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ và các điều khoản bổ sung (sẽ điền khi trao hợp đồng).

9.2. Các loại trừ trách nhiệm bảo hiểm khác: được quy định tại Quy tắc bảo hiểm nêu trên.

Điều 10. Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm và mức miễn thường không khấu trừ

10.1. Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

Quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

a) Tổn thất phát sinh do chiến tranh, bạo loạn, đình công, hành động của các thế lực thù địch, nổi loạn, hành động ác ý nhân danh hoặc có liên quan tới các tổ chức chính trị, tịch biên, sung công, trưng dụng, trưng thu hay phá hủy hoặc bị gây thiệt hại theo lệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Tổn thất phát sinh do hành động khủng bố.

c) Tổn thất phát sinh do phản ứng hạt nhân, phóng xạ hạt nhân, nhiễm phóng xạ.

d) Tổn thất hoặc thiệt hại của bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm có tên trong danh sách cấm vận.

đ) Tổn thất hoặc thiệt hại có liên quan đến dịch bệnh theo công bố của cơ quan có thẩm quyền.

e) Tồn thất phát sinh từ hành vi cố ý vi phạm pháp luật của bên mua bảo hiểm hoặc người được bảo hiểm.

g) Tồn thất phát sinh trong trường hợp bên mua bảo hiểm không có quyền lợi có thể được bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

h) Tồn thất phát sinh do ngừng công việc thi công xây dựng hoặc tồn thất do hậu quả của ngừng công việc thi công xây dựng (dù là ngừng một phần hoặc toàn bộ công việc thi công).

i) Tồn thất đối với dữ liệu, phần mềm và các chương trình máy tính.

k) Tồn thất phát sinh do lỗi thiết kế của nhà thầu tư vấn đầu tư xây dựng đối với công trình xây dựng từ cấp II trở lên.

l) Tồn thất do hiện tượng ăn mòn, mài mòn, ôxy hóa.

m) Tồn thất do hiện tượng mục rữa và diễn ra trong điều kiện áp suất, nhiệt độ bình thường.

n) Chi phí sửa chữa, thay thế, chỉnh sửa khuyết tật của nguyên vật liệu hoặc lỗi tay nghề. Loại trừ này chỉ áp dụng đối với tồn thất của các hạng mục bị ảnh hưởng trực tiếp, không áp dụng đối với tồn thất của các hạng mục khác là hậu quả gián tiếp do khuyết tật của nguyên vật liệu hoặc lỗi tay nghề mà thi công đúng.

o) Tồn thất hay thiệt hại chỉ phát hiện được vào thời điểm kiểm kê.

10.2. Mức miễn thường không khấu trừ

Là những chi phí Bên A phải tự gánh chịu trong các trường hợp có tồn thất xảy ra mà các chi phí khắc phục tồn thất ở dưới các mức độ được nêu dưới đây, nếu các trường hợp có tồn thất xảy ra mà các chi phí khắc phục tồn thất vượt các mức độ được nêu dưới đây thì Bên A được Bên B chi trả bồi thường toàn bộ đối với các thiệt hại vượt mức miễn thường với mỗi hay hàng loạt vụ tồn thất bắt nguồn từ một sự cố xảy ra trong thời hạn bảo hiểm:

+ Bảo hiểm tồn thất vật chất:

- Đối với rủi ro thiên tai: 5% số tiền tồn thất, tối đa VNĐ/1 vụ tồn thất.

- Đối với các rủi ro khác: 5% số tiền tồn thất, tối đa VNĐ/1 vụ tồn thất.

Điều 11. Thời hạn thực hiện Hợp đồng bảo hiểm

- Thời hạn bảo hiểm: ... ngày kể từ ngày khởi công công trình theo Thông báo khởi công công trình đến ngày công trình hoàn thành được nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng cộng 24 tháng bảo hiểm cho công tác bảo hành (theo điều khoản bổ sung MR004) kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

- Việc xác định thời gian bắt đầu bảo hiểm và kết thúc sẽ căn cứ vào Lệnh khởi công hoặc thông báo thi công chính thức của Bên A, biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình đưa vào khai thác sử dụng của người được bảo hiểm.

- Trường hợp thời gian thi công công trình kéo dài hơn so với dự kiến (do nguyên nhân khách quan, triều cường, lũ lụt...), thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản để hai bên ký kết phụ lục gia hạn thời gian bảo hiểm công trình nhưng không phát sinh thêm kinh phí.

Điều 12. Điều chỉnh thời gian thực hiện Hợp đồng

Tiến độ thực hiện Hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, địch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;

- Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền và Bên A làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng;

- Do việc bàn giao mặt bằng không đúng tiến độ dự kiến, tạm dừng Hợp đồng không do lỗi của Bên A, các thủ tục liên quan, các yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng mà không do lỗi của bên nhận thầu gây ra;

- Tạm ngưng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Bên A gây ra.

Điều 13. Giá trị Hợp đồng (Phí bảo hiểm) và Phương thức thanh toán

13.1. Giá trị Hợp đồng (Phí bảo hiểm): đồng (Bằng chữ: đồng).

Trong đó, phí bảo hiểm của các thành viên Liên danh thể hiện như sau:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Giá trị Hợp đồng (Phí bảo hiểm) tương ứng từng thành viên liên danh (đồng)	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng phí bảo hiểm
1	Thành viên đứng đầu liên danh: TỔNG CÔNG%
2	Thành viên liên danh: TỔNG CÔNG TY%
TỔNG CỘNG		...	100%

Giá trị Hợp đồng (Phí bảo hiểm) nói trên đã bao gồm toàn bộ phí bảo hiểm đối với các loại tổn thất theo nội dung của Hợp đồng này và các điều khoản bổ sung đính kèm. Không tính thêm phí trong trường hợp gia hạn thời gian bảo hiểm.

Giá trị Hợp đồng (Phí bảo hiểm) chính thức là giá trị quyết toán được cấp thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm toán, kiểm tra xem xét có thay đổi về giá trị đã được quyết toán thì giá trị này (giá trị sau thanh toán, kiểm toán, kiểm tra) là giá trị Hợp đồng chính thức cuối cùng.

13.2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản 100%.

13.3. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

13.4. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách Thành phố.

13.5. Tiến độ thanh toán: Trên cơ sở kế hoạch vốn được giao

Lần 1: Sau khi Hợp đồng được ký kết và có hiệu lực, căn cứ vào Lệnh khởi công gói thầu XL-02, Bên B gửi thông báo thu phí cho Bên A, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 95% giá trị Hợp đồng (Phí bảo hiểm) trong vòng 30 ngày kể từ ngày khởi công gói thầu XL-02.

Lần 2: Sau khi dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán, kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán và căn cứ vào kế hoạch vốn được giao, Bên A sẽ thanh toán giá trị còn lại của Hợp đồng được nghiệm thu cho Bên B theo giá trị được phê duyệt quyết toán.

Thời hạn thanh toán: Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày Bên A nhận được thông báo thu phí hợp lệ của Bên B, Bên A hoàn thành các thủ tục và chuyển hồ sơ thanh toán tới cơ quan cấp phát vốn thanh toán cho Bên B.

Trong trường hợp dự án chưa bố trí đủ kế hoạch vốn, hoặc chưa được cơ quan cấp phát vốn chấp thuận thanh toán phí bảo hiểm theo quy định của Hợp đồng cho Bên B thì Bên B vẫn phải thực hiện trách nhiệm bảo hiểm nếu xảy ra sự cố công trình.

Công tác thanh toán, quyết toán giá trị Hợp đồng căn cứ vào kế hoạch vốn được cấp thẩm quyền giao để thực hiện, không làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.

Tiền thanh toán: Bên A sẽ chuyển toàn bộ/phí bảo hiểm trực tiếp vào tài khoản của

13.6. Hồ sơ thanh toán

- Bảo đảm thực hiện Hợp đồng.
- Thông báo thu phí của Bên B.
- Hóa đơn chứng từ theo quy định.
- Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- Các tài liệu khác liên quan theo quy định của pháp luật (nếu có).

13.7. Quyết toán phí bảo hiểm:

Nếu giá trị quyết toán của gói thầu PTV-02: Bảo hiểm xây dựng công trình gói thầu XL-02 được cấp thẩm quyền phê duyệt thấp hơn giá trị mà Bên A đã thanh toán cho Bên B thì Bên B phải có trách nhiệm hoàn trả khoản chênh lệch này vào tài khoản Bên A để Bên A nộp hoàn trả Ngân sách trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A, mà không được chậm trễ hoặc từ chối thực hiện vì bất cứ lý do gì.

Điều 14. Giám định tổn thất và giải quyết bồi thường

14.1. Giám định tổn thất

Bất cứ trường hợp nào khi có sự cố tổn thất xảy ra liên quan đến đối tượng được bảo hiểm (có thể chưa xác định được có thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Hợp đồng hay không) Bên A phải thông báo ngay cho Bên B (Thành viên đứng đầu liên danh) bằng các phương tiện thông tin liên lạc như điện thoại, zalo, email..., sau đó thông báo chính thức bằng văn bản cho Bên B trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự cố và giữ nguyên hiện trường để Bên B hoặc đơn vị giám định độc lập tiến hành lập biên bản hiện trường và đánh giá thiệt hại sơ bộ ban đầu.

Trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo tổn thất của Bên A, Bên B phải có mặt tại hiện trường để phối hợp với các bên liên quan tổ chức giám định và lập biên bản hiện trường và hướng dẫn Bên A lập hồ sơ khiếu nại bảo hiểm. Nếu quá thời hạn trên mà Bên B không cử giám định viên hoặc không có thoả thuận nào khác thì Bên B phải chấp nhận biên bản giám định và biên bản hiện trường được lập bởi Bên A cùng đại diện chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng liên quan nơi xảy ra sự cố.

Trong trường hợp tổn thất mang tính phức tạp về kỹ thuật hoặc có giá trị ước tính lớn, các bên sẽ họp bàn để lựa chọn một Công ty giám định chuyên nghiệp có uy tín và được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam thực hiện việc giám định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Báo cáo giám định cuối cùng của Công ty này sẽ làm cơ sở tính toán số tiền bồi thường để Người bảo hiểm bồi thường thiệt hại. Chi phí giám định và đánh giá tổn thất do Bên B chịu.

14.2. Giải quyết bồi thường và phương thức thanh toán bồi thường

Hình thức bồi thường cho Bên A như sau: Trả tiền bồi thường.

a) Khi có tổn thất xảy ra Bên B có trách nhiệm hướng dẫn Bên A lập hồ sơ bồi thường và trong vòng 14 ngày kể từ ngày hai bên xác nhận đã hoàn thiện đầy đủ hồ sơ bồi thường, Bên B có trách nhiệm tính toán thiệt hại và tiến hành giải quyết bồi thường tổn thất cho Bên A.

b) Bên A phải phối hợp với cán bộ giám định bảo hiểm, cung cấp đầy đủ mọi hồ sơ, chứng từ tài liệu liên quan đến đối tượng bị tổn thất cho Bên B làm cơ sở tính toán tổn thất.

c) Cơ sở để giải quyết bồi thường: Trong mọi trường hợp xảy ra tổn thất, cơ sở để

giải quyết bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm này là:

- Đối với trường hợp tổn thất bộ phận có thể sửa chữa được: Giá trị bồi thường được tính theo chi phí cần thiết để sửa chữa, khôi phục mới lại các hạng mục bị tổn thất trở lại trạng thái gần như trước khi xảy ra tổn thất trừ đi phần vật chất được thu hồi (nếu phần tài sản thu hồi thuộc Bên A quản lý).

- Đối với trường hợp tổn thất toàn bộ: Tổn thất thực tế hoặc chi phí sửa chữa ước tính bằng hoặc trên 80% giá trị bảo hiểm được coi là tổn thất toàn bộ. Giá trị bồi thường được tính theo giá trị thực tế của hạng mục đó ngay trước khi xảy ra tổn thất trừ đi phần vật chất được thu hồi (nếu phần tài sản thu hồi thuộc Bên A quản lý).

- Phương thức thanh toán bồi thường:

Tiền bồi thường được thanh toán thành 02 đợt:

+ Đợt 1: Khi có tổn thất xảy ra, tùy từng trường hợp cụ thể căn cứ vào Hợp đồng bảo hiểm cũng như mức độ thiệt hại của từng vụ tổn thất, sau khi có biên bản giám định và tính toán xác định giá trị bồi thường trong vòng 07 ngày, Bên B xem xét tạm ứng trước một khoản tiền tối đa là: 50% tổng số tiền bồi thường ước tính được xác định cho vụ tổn thất đó nếu tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm này (Điều kiện này được ghi nhận đó là quyền chứ không phải nghĩa vụ của Bên B phải thực hiện).

+ Đợt 2: Thanh toán 50% tổng số tiền bồi thường còn lại trong vòng 14 ngày kể từ ngày Bên B nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ về yêu cầu bồi thường. Bên B có trách nhiệm giải quyết dứt điểm việc bồi thường cho Bên A.

14.3. Hồ sơ yêu cầu bồi thường bảo hiểm

Bên B có trách nhiệm phối hợp với Bên A, người được bảo hiểm, các cơ quan, tổ chức có liên quan thu thập các tài liệu có liên quan để lập hồ sơ bồi thường. Hồ sơ bồi thường bảo hiểm công trình xây dựng trong thời gian xây dựng bao gồm các tài liệu sau:

- Thông báo sự cố công trình xây dựng và yêu cầu bồi thường do Bên A cung cấp.
- Tài liệu liên quan đến đối tượng bảo hiểm, bao gồm: Hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản, bao gồm:

+ Hồ sơ sự cố công trình xây dựng trong trường hợp xảy ra sự cố công trình xây dựng (bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có xác nhận của bên lập hồ sơ) theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng hoặc bằng chứng chứng minh tổn thất của công trình xây dựng và các văn bản bổ sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

+ Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại.

- Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà Bên A đã chi ra để hạn chế tổn thất ở mức thấp nhất hoặc để thực hiện theo chỉ dẫn của Bên B.

- Biên bản giám định nguyên nhân và mức độ thiệt hại.

- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Điều 15. Trách nhiệm của các bên

15.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Tuân thủ các quy định đã nêu trong Quy tắc Bảo hiểm mọi rủi ro về xây dựng; cung cấp đầy đủ chính xác mọi thông tin liên quan đến bảo hiểm mà Bên B cần tìm hiểu.

- Tạo điều kiện và hỗ trợ cán bộ bảo hiểm tham gia khảo sát, đánh giá rủi ro của công trình trước khi mua bảo hiểm và khi có tổn thất.

- Có trách nhiệm cung cấp toàn bộ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, lịch thi công, hồ sơ dự toán, quyết toán công trình... liên quan đến đối tượng bị tổn thất như hoá đơn mua nguyên vật liệu, vật tư, máy móc thiết bị, tờ khai hải quan, sổ sách tính khấu hao... (nếu có) để Bên B có cơ sở giải quyết bồi thường theo đúng luật pháp Nhà nước.

- Thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng thời hạn cho Bên B theo thỏa thuận.

- Trong trường hợp xảy ra tổn thất, Bên A vui lòng liên hệ với Bên B theo các thông tin sau:

+ Ông:, Giám đốc đơn vị thực hiện Công ty

+ Số điện thoại:; Email:

15.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Cử giám định viên hoặc cộng tác viên tới cơ sở của Bên A để xem xét và góp ý kiến về hệ thống bảo vệ hay an toàn lao động hoặc yêu cầu Bên A bổ sung phương tiện bảo vệ nhằm giảm tới mức thấp nhất khả năng xảy ra tổn thất.

- Trách nhiệm bồi thường của Bên B không vượt quá số tiền bảo hiểm đã đăng ký trong Hợp đồng bảo hiểm này.

- Cung cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng cho Bên A ngay sau khi Hợp đồng được ký kết.

- Sau khi nhận được thông báo tổn thất của Bên A, Bên B phải cử ngay cán bộ giám định và các chuyên viên có kinh nghiệm cùng Bên A có mặt tại hiện trường, tiến hành giám định nguyên nhân và xác định mức độ thiệt hại, hướng dẫn Bên A làm thủ tục cần thiết để bảo vệ quyền lợi của các bên hữu quan (Nếu sau 12 giờ kể từ khi nhận được thông báo tổn thất, Bên B không có mặt thì phải chấp nhận tình trạng hiện trường và Biên bản giám định của Bên A với cơ quan chính quyền địa phương hoặc cảnh sát nơi xảy ra sự cố). Trong thời hạn 07 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B phải thông báo đến Bên A bằng văn bản kết quả kiểm tra hiện trường và biện pháp xử lý.

- Hướng dẫn Bên A thu thập hồ sơ khiếu nại, giải quyết bồi thường nhanh gọn, hợp lý. Thời gian giải quyết bồi thường là ngắn nhất và tối đa không quá 30 ngày kể từ khi Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ về vụ tổn thất. Nếu chậm phải chịu lãi theo quy định.

- Tuân thủ theo các quy định trong Hợp đồng bảo hiểm đã ký. Hướng dẫn đầy đủ cho Bên A thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi của mình.

- Vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn bảo hiểm, Bên B có quyền cử đại diện đến hiện trường để kiểm tra mức độ rủi ro của đối tượng tham gia bảo hiểm.

- Bên B có trách nhiệm hướng dẫn và phối hợp cùng với Bên A và các bên liên quan thu thập hồ sơ bồi thường khi có tổn thất xảy ra.

- Bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

- Với điều kiện các bên phải tuân thủ thực hiện các trách nhiệm, nghĩa vụ của mình, nếu việc không tuân thủ làm phương hại tới quyền lợi của bên kia thì tùy theo từng trường hợp cụ thể quyền lợi của bên không tuân thủ sẽ bị giảm trừ hoặc bị từ chối hoặc bị loại bỏ.

- Bên B phải có trách nhiệm phối hợp với Bên A giải trình những vướng mắc khi cấp có thẩm quyền yêu cầu trong quá trình phê duyệt quyết toán công trình và thực hiện đến khi thanh lý Hợp đồng.

- Trường hợp Bên B không kiểm tra số tài khoản thanh toán của Hợp đồng, dẫn đến cơ quan cấp phát vốn không thể chuyển khoản thanh toán Hợp đồng, khi đó Bên B phải bồi hoàn toàn bộ chi phí cho Bên A để nộp phạt cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Cung cấp hóa đơn thu phí bảo hiểm cho Bên A.

- Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Khiếu nại trong quá trình thực hiện Hợp đồng

16.1. Khiếu nại trong quá trình thực hiện Hợp đồng là khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện đúng nội dung theo Hợp đồng đã ký. Khi đó, bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này.

16.2. Khi một bên khiếu nại bên kia thì phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ những nội dung khiếu nại.

16.3. Trong vòng 21 ngày kể từ khi nảy sinh vấn đề một bên thực hiện hợp đồng không phù hợp với nội dung trong hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng các nội dung trong Hợp đồng đã ký.

16.4. Trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu

nại phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký, nếu những căn cứ và dẫn chứng không thuyết phục, không hợp lý thì phải chấp thuận với những khiếu nại của bên kia. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

16.5. Các khiếu nại của mỗi bên phải được gửi đến đúng địa chỉ giao dịch hoặc địa chỉ trao đổi tại phần thông tin của hai bên nêu trên. Các khiếu nại không được giải quyết bởi các bên tham gia hợp đồng sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 14.

Điều 17. Giải quyết tranh chấp

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 28 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân TP.HCM) để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân TP.HCM) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

18.1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

18.2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như: Thiên tai, sự cố môi trường, dịch họa, hỏa hoạn và các yếu tố bất khả kháng khác.

18.3. Khi một bên bị rơi vào tình trạng bất khả kháng, thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không quá 07 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng.

18.4. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được theo hợp đồng của mình.

Điều 19. Chấm dứt Hợp đồng

19.1. Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B bị phá sản, giải thể hoặc chuyển nhượng Hợp đồng cho người hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của Bên A;
- Bên B từ chối thực hiện công việc theo Hợp đồng;
- Bên B không thực hiện công việc theo Hợp đồng trong vòng 56 ngày liên tục dẫn tới vi phạm tiến độ thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng, trừ trường hợp được phép của

Bên A;

- Bên B từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài (hoặc Toà án Nhân dân) phân xử.

- Bên B cố ý trình Bên A các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Bên A.

19.2. Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên A chuyển nhượng Hợp đồng cho người hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của Bên B;

- Sau 56 ngày liên tục công việc bị dừng do lỗi của Bên A, trừ trường hợp bất khả kháng và các trường hợp khách quan khác (chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, thiên độ giải phóng mặt bằng, các yếu tố khách quan ngoài sự mong đợi của Bên A).

19.3. Trường hợp một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng xây dựng mà không phải do lỗi bên kia gây ra, thì bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

19.4. Trước khi một bên chấm dứt Hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời hạn 05 ngày làm việc, trong đó nêu rõ lý do chấm dứt Hợp đồng. Nếu bên chấm dứt Hợp đồng không thông báo mà gây thiệt hại cho kia thì phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

19.5. Hợp đồng không còn hiệu lực kể từ thời điểm chấm dứt và các bên phải hoàn tất thủ tục thanh lý Hợp đồng quy định tại Điều 20 kể từ ngày thông báo chấm dứt Hợp đồng. Ngoài thời gian quy định, nếu một bên không làm các thủ tục thanh lý Hợp đồng thì bên kia có toàn quyền quyết định việc thanh lý Hợp đồng.

Điều 20. Thanh lý Hợp đồng

Ngay sau khi Bên B đã hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng và hồ sơ quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong vòng 45 ngày hai bên tham gia tiến hành thanh lý và chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng cũng như mọi nghĩa vụ có liên quan khác.

Điều 21. Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại

21.1. Phạt vi phạm Hợp đồng:

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng, nếu Bên B không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong Hợp đồng thì Bên A có thể khấu trừ vào giá Hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : 01%/quý cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Bên A sẽ khấu trừ đến 12 % giá trị phần Hợp đồng bị vi phạm. Khi đạt đến mức phạt tối đa 12%, Bên A có thể xem xét chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 19. Chấm dứt Hợp đồng.

Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Bên A, Bên B có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện Hợp đồng tương ứng với 10 % chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.

21.2. Bồi thường thiệt hại:

- Bồi thường thiệt hại: Áp dụng Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.

Điều 22. Hiệu lực của Hợp đồng

22.1. Thời điểm có hiệu lực của Hợp đồng: Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký Hợp đồng và Bên A nhận được đầy đủ các bảo đảm thực hiện Hợp đồng của Bên B.

22.2. Tính pháp lý của Hợp đồng:

a) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà Bên A, Bên B và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện;

b) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài Hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định, của pháp luật có liên quan.

Điều 23. Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện hợp đồng đã ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật theo đúng luật pháp hiện hành.

Hợp đồng này có thể bổ sung bằng các phụ lục bổ sung hợp đồng khi cần thiết.

Hợp đồng được lập thành 10 bản có hiệu lực như nhau, Bên A giữ 06 bản, Bên B giữ 04 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
GIÁM ĐỐC

Đậu An Phúc
ĐẠI DIỆN BÊN B
LIÊN DANH

Thành viên đứng đầu liên danh
CÔNG TY ...

Đơn vị thực hiện:
CÔNG TY
GIÁM ĐỐC

Thành viên liên danh
CÔNG TY

Đơn vị thực hiện:
CÔNG TY....
GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC: BẢNG GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số: /HD-BHTĐT ngày tháng năm 2025)

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		
			Tổng công	Tổng công	Tổng		Tổng công	Tổng công ty ...	Tổng
1	Phí bảo hiểm gói thầu PTV-02: Bảo hiểm xây dựng công trình gói thầu XL-02 thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp	Trọn gói			1
	Tổng cộng giá trị Hợp đồng					

Bằng chữ: đồng./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
GIÁM ĐỐC

Đậu An Phúc

ĐẠI DIỆN BÊN B
LIÊN DANH ...

Thành viên đứng đầu liên danh
CÔNG TY ..
Đơn vị thực hiện:
CÔNG TY CỔ
GIÁM ĐỐC

Thành viên liên danh
CÔNG TY ...
Đơn vị thực hiện:
CÔNG TY ...
GIÁM ĐỐC

....

...